

Số: 233/2019/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 217/2019/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019, giữa:

** Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 41, tổ 12 (nay là tổ 8), phường L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số nhà 41, tổ 12 (nay là tổ 8), phường L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Ngọc Đ và anh Nguyễn Văn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2008 và Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2010, là con chung của anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Ngọc Đ, cho chị Nguyễn Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Nguyễn Ngọc C, mức cấp dưỡng 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng;

phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng; thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc C đủ 18 tuổi. Anh L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự”.

- Về tài sản, đất đai chung: Các đương sự đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Đ tự nguyện nhận chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002904, ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Nguyễn Ngọc Đ số tiền chênh lệch 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn L phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung, số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), anh L chưa nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- THADS tp.Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Huyền

